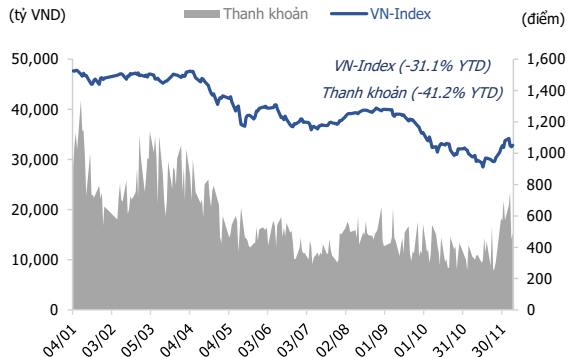


## VN-INDEX HỒI ĐIỂM, KHỐI NGOẠI NỔ TIẾP ĐÀ MUA RÒNG

## BIẾN ĐỘNG CHỈ SỐ VN-INDEX



## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN TRONG NƯỚC

|                                   | VN-Index      | HNX-Index     |
|-----------------------------------|---------------|---------------|
| <b>Giá trị chỉ số</b>             | <b>1,051</b>  | <b>215</b>    |
| <i>Biến động 1 ngày (%)</i>       | <i>0.9%</i>   | <i>2.6%</i>   |
| <i>Biến động YTD (%)</i>          | <i>-31.1%</i> | <i>-54.6%</i> |
| <b>Giá trị giao dịch (tỷ VND)</b> | <b>15,440</b> | <b>1,458</b>  |
| <i>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</i>    | <i>14,502</i> | <i>1,330</i>  |
| <i>GTGD thỏa thuận (tỷ VND)</i>   | <i>938</i>    | <i>128</i>    |
| <i>Biến động 1 ngày (%)</i>       | <i>10.0%</i>  | <i>-8.3%</i>  |

| <b>Biến động ngành (ICB cấp 2)</b> | <b>% 1D</b> | <b>%YTD</b>   | <b>% vốn hóa</b> |
|------------------------------------|-------------|---------------|------------------|
| Dịch vụ tài chính                  | 5.2%        | -54.3%        | 3.5%             |
| Bán lẻ                             | 3.0%        | -30.8%        | 2.0%             |
| Xây dựng và Vật liệu               | 3.0%        | -48.1%        | 3.2%             |
| Hóa chất                           | 2.8%        | -45.0%        | 3.2%             |
| Tài nguyên Cơ bản                  | 2.7%        | -48.8%        | 3.6%             |
| Ngân hàng                          | 1.8%        | -22.2%        | 32.3%            |
| Hàng cá nhân & Gia dụng            | 1.8%        | -14.5%        | 1.2%             |
| Dầu khí                            | 1.7%        | -37.8%        | 1.3%             |
| Du lịch và Giải trí                | 1.7%        | -30.4%        | 2.1%             |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp         | 1.0%        | -26.3%        | 2.8%             |
| Công nghệ Thông tin                | 0.9%        | -8.4%         | 2.2%             |
| <b>VN-Index</b>                    | <b>0.9%</b> | <b>-31.1%</b> | <b>100.0%</b>    |
| Bảo hiểm                           | 0.9%        | -14.0%        | 1.4%             |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt      | 0.0%        | -11.7%        | 7.3%             |
| Bất động sản                       | -0.1%       | -44.3%        | 20.9%            |
| Thực phẩm và đồ uống               | -1.8%       | -15.0%        | 11.8%            |

| <b>Lãi suất trong nước</b> | <b>%/năm</b> | <b>± đầu năm</b> |
|----------------------------|--------------|------------------|
| Lãi suất qua đêm LNH       | 5.5%         | 3.7%             |
| Lãi suất TPCP 5 năm        | 5.0%         | 4.0%             |

| Tỷ giá  |        | % 1D  | %YTD   |
|---------|--------|-------|--------|
| USD/VND | 23,780 | -0.5% | 4.2%   |
| EUR/VND | 25,005 | -0.5% | -3.2%  |
| JPY/VND | 174    | -0.7% | -12.3% |
| GBP/VND | 29,018 | -0.6% | -5.8%  |

## THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

| Chỉ số CK quốc tế |        | % 1D  | %YTD   |
|-------------------|--------|-------|--------|
| DJI**             | 33,598 | 0.0%  | -7.2%  |
| S&P500**          | 3,934  | -0.2% | -15.8% |
| VIX**             | 23     | 0.6%  | 21.6%  |
| FTSE100**         | 7,474  | -0.2% | -0.2%  |
| DAX**             | 14,265 | 0.0%  | -10.5% |
| CAC40**           | 6,662  | 0.0%  | -7.6%  |
| Nikkei            | 27,574 | -0.4% | 0.9%   |
| Shanghai          | 3,197  | -0.1% | -10.7% |
| Kospi             | 2,371  | -0.5% | -8.6%  |
| Taiwan weighted   | 14,553 | -0.5% | -19.8% |

(\*\*) dữ liệu phiên liền trước

| Giá hàng hóa        |          | % 1D  | %YTD   |
|---------------------|----------|-------|--------|
| Giá dầu Brent (USD) | 77.53    | 0.5%  | -2.2%  |
| Giá dầu WTI (USD)   | 72.50    | 0.7%  | -5.5%  |
| Giá vàng (USD)      | 1,783.41 | -0.2% | -1.6%  |
| Giá đồng (USD)      | 3.86     | 0.1%  | -12.5% |

## ĐIỂM NHẤN GIAO DỊCH

▲ **VN-Index nỗ lực bật tăng:** Diễn biến tích cực đã đến rất nhanh với VN-Index vào ngày đầu phiên sáng khi chỉ số có đà tăng điểm cực mạnh, dù không giữ được thành tựu này đến kết phiên nhưng VN-Index vẫn thành công có thêm 9.51 điểm (+0.9%) và đang ở ngưỡng 1,050.5 điểm.

▲ **Thanh khoản tăng:** Dòng tiền dù đang đổ vào khá quan hơn so với phiên hôm qua (+10% DoD), tuy nhiên vẫn đang ở mức khiêm tốn so với trung bình 10 phiên gần nhất (17,534 tỷ VND) và chỉ đạt 15,440 tỷ VND.

▲ **Khối ngoại mua ròng:** Khối ngoại tiếp tục mua ròng 580.3 tỷ VND trên HSX. Tâm điểm mua vào đang là VIC (202.6 tỷ VND), STB (99.7 tỷ VND) và VHM (55.9 tỷ VND).

▲ **Nhóm tăng điểm:** Nhóm Ngân hàng đã thành công dẫn dắt VN-Index hồi điểm phiên hôm nay, trong đó có đến 3 mã tăng trần như STB (+6.9%), SSI (+6.8%) và TCB (+6.8%).

▼ **Nhóm giảm điểm:** Giảm điểm mạnh nhất trong VN30 phiên hôm nay tiếp tục là NVL (-6.8%), tiếp theo đó là MSN (-4.0%) và VRE (-2.5%).

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG

**Thị trường tiếp tục phiên giao dịch giảm co.** VN-Index tăng mạnh ngay từ đầu phiên sáng, tuy nhiên quay đầu giảm điểm sau khi lực bán gia tăng ở cuối phiên chiều. Thị trường vẫn chưa thể bật ra khỏi ngưỡng 1,050 điểm, thanh khoản thị trường vẫn thấp hơn trung bình 10 phiên, cho thấy nhà đầu tư chưa sẵn sàng quay lại thị trường và vẫn đang ở trạng thái quan sát, chờ điểm giải ngân phù hợp.

**Hành động:** Với việc chỉ số VN-Index vẫn giao dịch quanh ngưỡng 1,050 điểm, đồng thời thị trường chưa có thêm các thông tin tích cực, chúng tôi cho rằng thị trường có thể có 1 nhịp quay lại kiểm tra và tích lũy tại vùng 1,000 điểm trong những phiên tới. Trong trường hợp xấu và phá thủng mốc 1,000 điểm, VN-Index nhiều khả năng sẽ kiểm tra lại vùng hỗ trợ 900 - 920 điểm. Vì vậy, nhà đầu tư cần theo dõi phản ứng của VN-Index tại vùng này trước khi đưa ra quyết định giải ngân.

## DỰ BÁO XU HƯỚNG CỦA VN-INDEX



## TIN TỨC TRONG NGÀY

## TIN TỨC QUỐC TẾ

- Dòng vốn ròng đầu tư nước ngoài vào cổ phiếu Ấn Độ đã đạt 657 tỷ rupee (8.3 tỷ USD), so với dòng vốn 2,170 tỷ rupee (khoảng 27.5 tỷ USD) chảy ra khỏi thị trường nước này trong giai đoạn tháng 1-6/2022. Dòng vốn nước ngoài hồi sinh đã giúp chỉ số chứng khoán của Ấn Độ tăng vượt trội so với các nền kinh tế châu Á khác. Chỉ số chứng khoán Sensex của Ấn Độ tăng 14.5% trong ba tháng tính đến ngày 14/9.

*Tác động:* Ấn Độ đang là thị trường thu hút nguồn đầu tư nước ngoài trong giai đoạn tới.

## TIN TỨC TRONG NƯỚC

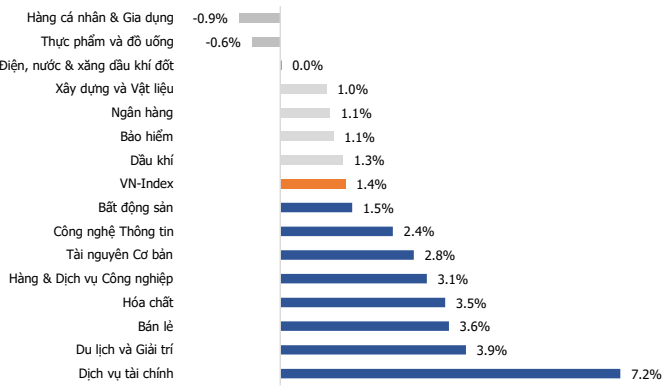
- Theo Báo cáo Hệ sinh thái Đổi mới sáng tạo mở Việt Nam 2022 do BambuUp phát hành mới đây cho biết, trong 9T2022, tổng số vốn đầu tư vào khởi nghiệp Việt Nam đạt 494 triệu USD (-17.6% YoY).

*Tác động:* Vốn đầu tư vào khởi nghiệp Việt Nam sụt giảm do ảnh hưởng bởi nền kinh tế biến động.

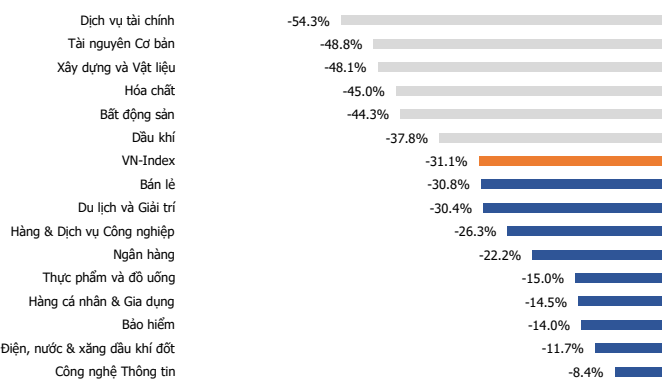
## TIN TỨC DOANH NGHIỆP

- TPB** (HSX, giá đóng cửa ngày 08/12: 22,000 VND): CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư FPT (FPT Capital) vừa đăng ký bán toàn bộ hơn 783.3 nghìn cổ phiếu TPB của Ngân hàng TMCP Tiên Phong, tương đương 0.049% vốn điều lệ ngân hàng. Nếu giao dịch thành công, FPT Capital chính thức thoái toàn bộ vốn khỏi TPBank.

TOP BIẾN ĐỘNG NGÀNH TRONG 1 TUẦN



TOP BIẾN ĐỘNG NGÀNH YTD



TOP BIẾN ĐỘNG NHÓM CỔ PHIẾU VN100

|                                       | Ticker | Tên công ty                    | Ngành                | Sàn | Giá cuối ngày (VND) | % ngày | % 1 tuần | % 1 tháng | % 1 năm | Vốn hóa (tỷ VND) | Giá trị GD (tỷ VND) |
|---------------------------------------|--------|--------------------------------|----------------------|-----|---------------------|--------|----------|-----------|---------|------------------|---------------------|
| Nhóm cổ phiếu biến động tích cực nhất | VND    | Chứng khoán VNDIRECT           | Dịch vụ tài chính    | HSX | 15,300              | 7.0%   | 17.7%    | 43.7%     | -53.6%  | 18,633           | 516                 |
|                                       | ITA    | Đầu tư CN Tân Tạo              | Bất động sản         | HSX | 4,750               | 7.0%   | 15.6%    | 48.9%     | -72.5%  | 4,457            | 6                   |
|                                       | DGW    | Thế Giới Số                    | Bán lẻ               | HSX | 43,850              | 7.0%   | -3.7%    | -16.3%    | -37.1%  | 7,151            | 52                  |
|                                       | SCR    | Sacomreal                      | Bất động sản         | HSX | 6,020               | 6.9%   | -5.9%    | 16.0%     | -71.0%  | 2,382            | 29                  |
|                                       | EIB    | Eximbank                       | Ngân hàng            | HSX | 20,850              | 6.9%   | -0.7%    | -30.5%    | -38.5%  | 25,634           | 55                  |
| Nhóm cổ phiếu biến động tiêu cực nhất | ANV    | Thủy sản Nam Việt              | Thực phẩm và đồ uống | HSX | 23,750              | -3.1%  | 8.0%     | 4.9%      | -27.9%  | 3,019            | 40                  |
|                                       | VHC    | Thủy sản Vĩnh Hoàn             | Thực phẩm và đồ uống | HSX | 69,700              | -3.2%  | 6.1%     | -6.9%     | 13.8%   | 12,781           | 93                  |
|                                       | MSN    | Tập đoàn Masan                 | Thực phẩm và đồ uống | HSX | 96,000              | -4.0%  | -3.0%    | 11.6%     | -31.7%  | 136,678          | 92                  |
|                                       | NVL    | Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland) | Bất động sản         | HSX | 17,900              | -6.8%  | -23.3%   | -65.5%    | -79.9%  | 34,907           | 1 229               |
|                                       | HPX    | Đầu tư Hải Phát                | Bất động sản         | HSX | 6,800               | -7.0%  | -30.1%   | -72.1%    | -80.1%  | 2,068            | 323                 |

Các mã cổ phiếu in đậm có tên trong danh sách Nhóm cổ phiếu tiêu biểu (trang 3)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI TRÊN HSX

|          | Ticker | Tên công ty        | Giá cuối ngày (VND) | % ngày | KLGD NN (cổ phiếu) | GTGD NN (tỷ VND) | % sở hữu nước ngoài |
|----------|--------|--------------------|---------------------|--------|--------------------|------------------|---------------------|
| Mua ròng | VIC    | VinGroup           | 69,900              | -1.8%  | +2,753,600         | +203             | 12.6%               |
|          | STB    | Sacombank          | 21,700              | 6.9%   | +4,626,500         | +100             | 25.9%               |
|          | VHM    | Vinhomes           | 55,400              | -0.2%  | +1,004,500         | +56              | 24.1%               |
|          | DXG    | Địa ốc Đất Xanh    | 14,000              | 6.9%   | +3,245,700         | +45              | 25.1%               |
|          | DGC    | Hóa chất Đức Giang | 64,400              | 2.7%   | +633,300           | +41              | 15.6%               |
| Bán ròng | VHC    | Thủy sản Vĩnh Hoàn | 69,700              | -3.2%  | -214,500           | -15              | 30.0%               |
|          | VRE    | Vincom Retail      | 28,750              | -2.5%  | -660,600           | -20              | 32.4%               |
|          | BID    | BIDV               | 39,000              | 0.0%   | -1,130,400         | -45              | 17.2%               |
|          | HPG    | Hòa Phát           | 18,900              | 3.6%   | -3,238,100         | -61              | 21.2%               |
|          | VCB    | Vietcombank        | 77,000              | -1.9%  | -1,227,700         | -97              | 23.6%               |

Giá trị giao dịch ròng (tỷ VND)

| Ticker | Net Trading Volume (tỷ VND) |
|--------|-----------------------------|
| VIC    | +203                        |
| STB    | +100                        |
| VHM    | +56                         |
| DXG    | +45                         |
| DGC    | +41                         |
| VHC    | -15                         |
| VRE    | -20                         |
| BID    | -45                         |
| HPG    | -61                         |
| VCB    | -97                         |

Các mã cổ phiếu in đậm có tên trong danh sách Nhóm cổ phiếu tiêu biểu (trang 3)

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH TỰ DOANH TRÊN HSX

|          | Ticker | Tên công ty               | Giá cuối ngày (VND) | % ngày | KLGD TD (cổ phiếu) | GTGD TD (tỷ VND) |
|----------|--------|---------------------------|---------------------|--------|--------------------|------------------|
| Mua ròng | VCB    | Vietcombank               | 77,000              | -1.9%  | +434,100           | +35              |
|          | DXG    | Địa ốc Đất Xanh           | 14,000              | 6.9%   | +1,585,000         | +22              |
|          | VHM    | Vinhomes                  | 55,400              | -0.2%  | +391,000           | +22              |
|          | STB    | Sacombank                 | 21,700              | 6.9%   | +928,100           | +20              |
|          | VIC    | VinGroup                  | 69,900              | -1.8%  | +243,400           | +18              |
| Bán ròng | BMP    | Nhựa Bình Minh            | 58,600              | 3.5%   | -21,700            | -1               |
|          | HPG    | Hòa Phát                  | 18,900              | 3.6%   | -111,000           | -2               |
|          | DGC    | Hóa chất Đức Giang        | 64,400              | 2.7%   | -83,000            | -5               |
|          | TCH    | ĐT DV Tài chính Hoàng Huy | 7,170               | 6.9%   | -1,525,000         | -11              |
|          | NBB    | 577 CORP                  | 12,900              | 0.4%   | -930,060           | -12              |

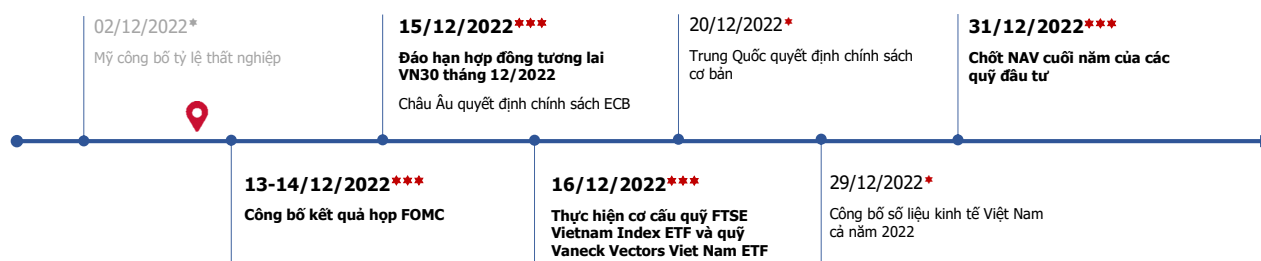
Giá trị giao dịch ròng (tỷ VND)

| Ticker | Net Trading Volume (tỷ VND) |
|--------|-----------------------------|
| VCB    | +35                         |
| DXG    | +22                         |
| VHM    | +22                         |
| STB    | +20                         |
| VIC    | +18                         |
| BMP    | -1                          |
| HPG    | -2                          |
| DGC    | -5                          |
| TCH    | -11                         |
| NBB    | -12                         |

## PHÂN TÍCH NHÓM CỔ PHIẾU TIÊU BIỂU

| Ticker | Ngành ICB cấp II              | Giá cuối ngày | Vốn hóa (tỷ VND) | Beta 6m | % ngày | % tháng | % năm  | % Doanh thu (QoQ) | % LNST (QoQ) | ROE (TTM) | ROA (TTM) | EPS (TTM) | BVPS   | P/E (TTM) | P/B | Tổng tài sản/Vốn CSH |
|--------|-------------------------------|---------------|------------------|---------|--------|---------|--------|-------------------|--------------|-----------|-----------|-----------|--------|-----------|-----|----------------------|
| MWG    | Bán lẻ                        | 46,000        | 67,323           | 1.1     | 2.6%   | 3.1%    | -32.8% | 31.6%             | 15.4%        | 22.9%     | 8.2%      | 3,467     | 15,919 | 13.3      | 2.8 | 2.6                  |
| FPT    | Công nghệ Thông tin           | 77,000        | 84,471           | 0.7     | 0.7%   | 5.0%    | 0.9%   | 27.8%             | 29.2%        | 22.8%     | 9.5%      | 4,799     | 18,136 | 16.0      | 4.2 | 2.3                  |
| GAS    | Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 106,000       | 202,879          | 0.4     | -0.7%  | -7.3%   | 6.9%   | 31.2%             | 25.3%        | 23.9%     | 16.0%     | 7,058     | 29,593 | 15.0      | 3.6 | 1.5                  |
| REE    | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 77,400        | 27,508           | 0.7     | 0.0%   | 10.9%   | 28.6%  | 104.4%            | 158.2%       | 16.0%     | 8.5%      | 7,773     | 41,612 | 10.0      | 1.9 | 1.8                  |
| GMD    | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp    | 48,450        | 14,602           | 0.9     | -0.3%  | 4.0%    | 4.8%   | 36.1%             | 92.9%        | 13.2%     | 8.9%      | 3,305     | 23,620 | 14.7      | 2.1 | 1.4                  |
| PNJ    | Hàng cá nhân & Gia dụng       | 111,000       | 27,306           | 0.5     | 2.1%   | 14.6%   | 17.2%  | 739.7%            | 258.1%       | 23.7%     | 15.8%     | 7,639     | 33,814 | 14.5      | 3.2 | 1.5                  |
| MBB    | Ngân hàng                     | 18,100        | 82,065           | 1.3     | 4.6%   | 5.2%    | -25.4% | 26.3%             | 61.4%        | 25.4%     | 2.7%      | 3,876     | 15,995 | 4.7       | 1.1 | 8.7                  |
| TCB    | Ngân hàng                     | 28,200        | 99,186           | 1.9     | 6.8%   | 16.8%   | -44.6% | 17.8%             | 22.1%        | 20.9%     | 3.4%      | 6,037     | 30,952 | 4.7       | 0.9 | 6.1                  |
| VHC    | Thực phẩm và đồ uống          | 69,700        | 12,781           | 0.7     | -3.2%  | -6.9%   | 13.8%  | 46.2%             | 76.2%        | 32.5%     | 21.1%     | 12,291    | 42,001 | 5.7       | 1.7 | 1.5                  |
| SAB    | Thực phẩm và đồ uống          | 178,000       | 114,148          | 0.2     | -0.6%  | -2.7%   | 15.9%  | 101.6%            | 202.3%       | 23.0%     | 17.5%     | 8,568     | 38,007 | 20.8      | 4.7 | 1.3                  |

## SỰ KIỆN ĐẦU TƯ TRONG THÁNG



★ Tác động **THẤP** tới thị trường

★★ Tác động **VỪA PHẢI** tới thị trường

★★★ Tác động **CAO** tới thị trường

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ: Bloomberg, Investing, Fiinpro và các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT – [www.tvs.vn](http://www.tvs.vn)

### Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec  
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
Phone: +84 (24) 7300 6588  
Fax: +84 (24) 3248 4821

### Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long  
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh  
Phone: +84 (28) 7300 6588  
Fax: +84 (28) 299 2088

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

#### Vương Chí Tâm, CFA, FRM

P. Giám đốc phân tích  
[tamvc@tvs.vn](mailto:tamvc@tvs.vn)

#### Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp  
[hanhntk@tvs.vn](mailto:hanhntk@tvs.vn)

#### Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên  
[anhnd@tvs.vn](mailto:anhnd@tvs.vn)

#### Đỗ Thùy Dương

Chuyên viên  
[duongdt@tvs.vn](mailto:duongdt@tvs.vn)

### BỘ PHẬN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

[ib.hcm@tvs.vn](mailto:ib.hcm@tvs.vn)

### BỘ PHẬN MÔI GIỚI

[brokerage.hcm@tvs.vn](mailto:brokerage.hcm@tvs.vn)

[brokerage.hn@tvs.vn](mailto:brokerage.hn@tvs.vn)